

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 – CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 08-01-2026

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nghiệp

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Thái

Ông Trần Văn Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Thạch Thị Diễm Trinh, là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Nguyệt Hân - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 116/2025/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2025 về việc "ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 307/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Triệu Thị D, sinh ngày 06/6/1985 (vắng mặt, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt).

CCCD số: 094185009790, cấp ngày 12/6/2025.

Địa chỉ: Khu V, phường M, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn: Ông Đàm Hoàng Q, sinh ngày 01/01/1979 (có mặt).

CCCD số: 094079015809, cấp ngày 09/8/2021.

Địa chỉ: Khu V, phường M, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 30/9/2025 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Triệu Thị D trình bày:

Bà và ông Đàm Hoàng Q có đăng ký kết hôn vào ngày 02/6/2011 tại UBND xã V, huyện N, tỉnh Sóc Trăng (nay là UBND phường M, thành phố Cần Thơ). Thời gian đầu vợ chồng chung sống vui vẻ, hạnh phúc, thời gian về sau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, cãi vã, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng

đã nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng vẫn không thay đổi nên đã sống ly thân nhiều năm nay. Nay yêu cầu được ly hôn với ông Đàm Hoàng Q. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Đàm Thị Huyền T, sinh ngày 25/11/2003 (đã trưởng thành, không yêu cầu xem xét) và Đàm Thị Hồng K, sinh ngày 23/9/2010 hiện con đang sống với ông Q, đồng ý giao con chung cháu K cho ông Q trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con thành niên, việc cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu xem xét. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét và giải quyết.

- Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 07/11/2025 và tại phiên tòa bị đơn ông Đàm Hoàng Q trình bày:

Ông và bà Triệu Thị D có tổ chức tiệc cưới và đăng ký kết hôn ngày 02/6/2011 tại UBND xã V, huyện N, tỉnh Sóc Trăng (nay là UBND phường M, thành phố Cần Thơ). Trong thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc, khoảng năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc và không còn chung sống với nhau khoảng 02 tháng nay. Nay bà D yêu cầu ly hôn thì ông không đồng ý do còn thương vợ, ông mong muốn được hàn gắn tình cảm vợ chồng để xây dựng hạnh phúc và cùng nhau chăm lo cho các con. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Đàm Thị Huyền T, sinh ngày 25/11/2003 đã trưởng thành và có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân và con tên Đàm Thị Hồng K, sinh ngày 23/9/2010 hiện đang sống với ông, cháu học hết lớp 10 thì nghỉ học. Trường hợp bà D không đồng ý hàn gắn thì ông yêu cầu được nuôi dưỡng cháu K, không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con, còn về cháu T đã trưởng thành nên ông không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét và giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa nêu quan điểm:

Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định chính xác quan hệ pháp luật tranh chấp; thu thập chứng cứ đầy đủ, đúng pháp luật; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giải quyết cho bà D được ly hôn với ông Q; Về con chung, giao ông Q được quyền nuôi dưỡng con chung tên Đàm Thị Hồng K, sinh ngày 23/9/2010 đến khi con thành niên. Việc cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung không giải quyết do đương sự không yêu cầu. Án phí ly hôn buộc nguyên đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp được pháp luật điều chỉnh tại các Điều 51, 56, 58 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa nguyên đơn bà Triệu Thị D có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, căn

cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt đối với bà D.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 96/2011 ngày 02/6/2011 của Ủy ban nhân dân xã V, huyện N, tỉnh Sóc Trăng (nay là UBND phường M, thành phố Cần Thơ) thể hiện, bà Triệu Thị D và ông Đàm Hoàng Q có đăng ký kết hôn, đương sự trình bày kết hôn trên cơ sở tự nguyện, do vậy hôn nhân này là hợp pháp. Qua lời trình bày của đương sự thể hiện trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng đã nhiều lần tự hàn gắn nhưng không có kết quả, tại phiên tòa ông Q thừa nhận nguyên nhân chính dẫn đến ly hôn xuất phát từ việc ông thường xuyên đánh bài và nhậu nhẹt cùng bạn bè, vợ ông không đồng ý nên yêu cầu ly hôn. Sau khi bà D nộp đơn khởi kiện Toà án cũng đã tiến hành hoà giải động viên hàn gắn nhiều lần nhưng không thành, bà D cương quyết ly hôn, ông Q xin hàn gắn. Tuy nhiên, kể từ khi Toà án tiến hành hoà giải đến nay ông Q chưa có giải pháp nào để động viên vợ tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhân với mình. Hơn nữa, bà D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt điều này cho thấy bà cương quyết ly hôn với ông Q không đồng ý hòa giải đoàn tụ. Mặt khác, xét lời trình bày của đương sự thể hiện vợ chồng đã có thời gian không còn chung sống với nhau, sau khi ly thân mạnh ai nấy sống, bà D không còn tình cảm dành cho chồng, nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Q là có cơ sở, phù hợp quy định pháp luật, Hội đồng xét xử chấp nhận, giải quyết cho bà D được ly hôn với ông Q.

[3] Về con chung: Bà D và ông Q thống nhất trình bày, quá trình chung sống vợ chồng có 02 người con chung tên Đàm Thị Huyền T, sinh ngày 25/11/2003 đã trưởng thành và Đàm Thị Hồng K, sinh ngày 23/9/2010 hiện đang sống với ông Q, bà D đồng ý giao con chung là cháu K cho ông Q nuôi dưỡng và ông Q đồng ý. Xét thấy, việc thoả thuận của đương sự là phù hợp quy định pháp luật và phù hợp nguyện vọng của con chung là cháu K đã được Toà án ghi nhận ngày 07/11/2025, nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thoả thuận của đương sự, giao con chung cháu K cho ông Q trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi. Giành quyền thăm nom con chung cho bà D và không ai được cản trở. Việc cấp dưỡng nuôi con đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí sơ thẩm: Buộc bà D phải chịu án phí ly hôn số tiền 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0006809 ngày 22/10/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ, bà D đã nộp xong án phí.

[6] Toàn bộ quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ là có căn cứ pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giải quyết cho bà Triệu Thị D được ly hôn với ông Đàm Hoàng Q.

2. Về quyền nuôi con: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa bà Triệu Thị D và ông Đàm Hoàng Q, giao ông Đàm Hoàng Q được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Đàm Thị Hồng K, sinh ngày 23/9/2010 đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi). Bà Triệu Thị D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được ngăn cản. Về cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét, giải quyết do đương sự không có yêu cầu.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết do đương sự không có yêu cầu.

4. Án phí sơ thẩm: Buộc bà Triệu Thị D phải chịu án phí ly hôn số tiền 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006809 ngày 22/10/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ, bà D đã nộp xong án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người vắng mặt kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân nơi đương sự cư trú để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự. (Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND TP Cần Thơ;
- VKSND khu vực 7 – Cần Thơ;
- THADS TP Cần Thơ;
- UBND Phường Q, TP Cần Thơ;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thành Nghiệp

